

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 23-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tống Đức Hưởng;

Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thu H (N), sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 11, ấp Tân H, xã Tân P, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà H: Bà Lê Thị C, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ 14, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 21-6-2021) có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Hoài A (L), sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh Ân: Chị Trần Thị D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 21-6-2021) có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Kim Q, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 7, ấp Tân T, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Lê Thị Thu H có tham gia nhiều dây hụi do anh Trần Hoài A làm chủ. Do anh A không có giao danh sách hụi cho bà H nên bà H không nhớ cụ thể từng dây hụi, bà chỉ nhớ tham gia 10 phần trong nhiều dây hụi, trong 10 phần hụi bà tham gia có 07 phần đã hết hạn hụi nhưng anh A chưa giao tiền hụi cho bà, còn lại 03 phần chưa hết hạn nhưng bà không nhớ đã góp được số tiền bao nhiêu, nếu lĩnh hụi vào kỳ cuối thì được tổng số tiền 110.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 17-4-2021 (âm lịch) anh A có vay của bà H số tiền 170.000.000 đồng, không có ghi giấy tờ, không thỏa thuận lãi suất, không thời hạn trả nợ, khi giao tiền không có anh A ở nhà nên bà H giao số tiền 170.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim Q mẹ ruột của anh Ân nhận thay và anh A ký giấy nhận nợ sau; khi giao tiền cho bà Q không có giấy tờ. Anh A hẹn đến ngày 25-5-2021 sẽ trả tiền nợ hụi 110.000.000 đồng và trả tiền vay 170.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến ngày 25-5-2021 bà H đến nhà thì gặp bà Q và anh A xin trả lại tiền hụi gốc là 70.000.000 đồng và tiền vay 170.000.000 đồng, bà H đồng ý, đồng thời anh A có ghi giấy nhận nợ tiền hụi và giấy nhận nợ tiền vay giao cho bà H giữ, nhưng đến nay anh A, bà Q vẫn không trả cho bà H số tiền nợ trên. Nay bà H yêu cầu anh A cùng bà Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi và nợ vay tổng cộng 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Hoài A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên không có ý kiến đến ngày 15-3-2022 ủy quyền cho chị Trần Thị D trực tiếp tham gia tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim Q có ý kiến: Bà là mẹ ruột anh Trần Hoài A, từ trước đến nay anh A vẫn sống chung nhà với bà. Tuy nhiên việc anh A giao dịch vay tiền và góp hụi với bà H như thế nào bà không biết và bà cũng không liên quan đến nên không đồng ý yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa, bà H cùng người đại diện hợp pháp vẫn giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện. Chị D là người đại diện hợp pháp cho anh A thừa nhận, anh A có nợ bà H số tiền vay 170.000.000 đồng, tiền hụi 70.000.000 đồng và đồng ý một mình anh A trả cho bà H số tiền nợ trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng; đối với số tiền nợ vay do một mình anh A vay, không liên quan đến bà Nguyễn Kim Q.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ

án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã vi phạm theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào chứng cứ do bà H cung cấp được chị D thừa nhận; tại phiên tòa chị Diễm thừa nhận anh A có nợ tiền hui và tiền vay bà H tổng cộng số tiền 240.000.000 đồng, số tiền này không liên quan đến bà Q nên anh A đồng ý một mình có nghĩa vụ trả số tiền này cho bà H. Do đó, căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị xét xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với anh Trần Hoài A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hui. Buộc anh A có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hui và nợ vay, tổng cộng 240.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu anh A phải trả tiền lãi suất.

+ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q cùng anh A có nghĩa vụ trả số tiền 240.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Kim Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Q.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, bà Lê Thị Thu H khởi kiện yêu cầu anh Trần Hoài A cùng bà Nguyễn Kim Q có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền nợ vay và nợ hui, tổng cộng 240.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Tại phiên tòa chị D là người đại diện hợp pháp cho anh A thừa nhận anh A có nợ bà H tiền vay 170.000.000 đồng, tiền hui 70.000.000 đồng và đồng ý một mình trả số tiền này cho bà H, nhưng xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, không đồng ý yêu cầu của bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q cùng anh A có nghĩa vụ trả số tiền trên.

Xét yêu cầu khởi kiện của H, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện bà H cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy nhận nợ hui, ghi ngày 28-5-2021 và giấy nhận nợ vay, ghi ngày 17-4-2021, các chứng cứ này đã được Tòa án công khai và chị D là người đại diện hợp pháp cho anh A cũng thừa nhận chữ ký số tiền ghi trong các chứng cứ trên là đúng nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa các bên thừa nhận giữa bà H với anh A có giao kết hợp đồng vay mượn tiền và hợp đồng góp hụi, sau khi sự việc xảy ra hai bên mới lập giấy nhận nợ tiền vay tiền và giấy xác nhận nợ tiền hụi nhưng không ghi thời hạn trả nợ, phương thức trả nợ. Tại phiên tòa, chị D là người đại diện hợp pháp cho anh A thừa nhận, anh Ân có nợ bà H số tiền vay 170.000.000 đồng, tiền hụi 70.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét lời yêu cầu của chị D về việc trả dần số tiền nợ 240.000.000 đồng, mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được bà H đồng ý và yêu cầu này thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của chị D.

[4] Xét yêu cầu của bà H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q có nghĩa vụ liên đới cùng anh A trả số tiền nợ tổng cộng 240.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị Thu H khai khi cho anh A vay, bà giao số tiền vay 170.000.000 đồng cho bà Nguyễn Kim Q và khi đến yêu cầu anh A trả nợ tiền vay, tiền hụi có bà Q chứng kiến nhưng bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà Q có liên quan đến số tiền anh A nợ bà; bà Q cũng không thừa nhận sự việc trên. Mặt khác, các chứng cứ khi bà H khởi kiện cung cấp cho Tòa án chỉ có một mình anh A ký xác nhận nợ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q có nghĩa vụ liên đới cùng anh A trả số tiền 240.000.000 đồng.

[5] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H đối với anh Trần Hoài A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi. Buộc anh Trần Hoài A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền nợ hụi và nợ vay, tổng cộng 240.000.000 đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu anh A phải trả tiền lãi suất.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q có nghĩa vụ liên đới cùng anh Trần Hoài A trả số tiền 240.000.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoài A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Lê Thị Thu H là người trên 60 tuổi, có yêu cầu xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu phưởng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H (N) đối với anh Trần Hoài A (L) về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi. Buộc anh Trần Hoài A có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu H số tiền nợ hụi và nợ vay, tổng cộng 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu anh A phải trả tiền lãi suất.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Kim Q có nghĩa vụ liên đới cùng anh Trần Hoài A trả số tiền 240.000.000 (hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Hoài A phải chịu 12.000.000 (mười hai triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Thu H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Thu H, anh Trần Hoài A có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Kim Q có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc